TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/07/2023.
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Giao, ông Trịnh Xuân Nguyên.

Thư ký toà án ghi biên bản: Bà Nguyễn Thanh Uyên – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 20/07/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 2 năm 2023 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh M,** Sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số nhà 3, ngõ 181, đường An Dương Vương, tổ 3, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn**:** Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 13, Thôn Đ, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội;

Chỗ ở: Số nhà 3, ngõ 181, đường An Dương Vương, tổ 3, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

(Chị M có mặt; Anh T vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình từ năm 2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng thời gian từ

năm 2020 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do hai vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T vô trách nhiệm với gia đình, thường tụ tập bạn bè, uống rượu, chửi bới vợ khi chị đang mang thai và khi có con thì anh thường xuyên đi qua đêm chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị M có khuyên bảo nhiều lần và cho anh T cơ hội nhưng nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 03 năm 2022 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, do không còn tình cảm nên chị M đề nghị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Trâm A, sinh ngày 30/7/2019. Khi ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi con Bùi Trâm A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Quá trình cung cấp và làm việc tại Tòa, anh Bùi Văn T có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình từ năm 2019. Quá trình chung sống có việc vợ chồng xảy ra cãi cọ, xích mích, nguyên nhân do anh đầu tư làm ăn nhưng thua lỗ. Anh T xác nhận khi vợ chồng có mâu thuẫn to tiếng với nhau nhưng anh không bao giờ đánh đập chị M, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng hơn một năm, vì thương con còn nhỏ, nay chị M đề nghị ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Trâm A, sinh ngày 30/7/2019, trường hợp vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao con Bùi Trâm A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã nêu.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn đã được tống đạt các giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị M ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con Bùi Trâm A, sinh ngày 30/7/2019 cho cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng

nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Bùi Văn T đang cư trú và có đăng ký tạm trú tại: Tổ 3, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Bị đơn - anh Bùi Văn T đã được tống đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Bùi Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Căn cứ lời khai của chị M, anh T và quá trình xác M tại địa phương thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, hai vợ chồng hiện đã sống ly thân một thời gian dài. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị M xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

Về con chung: Chị M, anh T có 01 con chung là Bùi Trâm A, sinh ngày 30/7/2019. Xét đề nghị về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị M, anh T thấy rằng hiện chị M đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, con Bùi Trâm A hiện đang do chị M trực tiếp chăm sóc và còn nhỏ, mặt khác anh T cũng đồng ý giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và quyền lợi về mọi mặt của các con, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, sau khi ly hôn giao con Bùi Trâm A cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh M ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con Bùi Trâm A, sinh ngày 30/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai số 0004733 ngày 08/02/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Nơi nhận
- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND thành phố HB;*
- *VKSND tỉnh HB;*
- *Chi cục THADS thành phố HB;*
- *UBND phường, xã nơi ĐS cư trú;*
- *UBND phường, xã thực hiện đăng ký kết hôn;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*